

PHẬT GIÁO TẠI KHU VỰC CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG NHÂN VĂN HỌC KỸ THUẬT SỐ / KHÔNG GIAN VÀ BẢO TỒN DI SẢN¹

GS. TS. David Blundell*

TÓM TẮT

Bài viết này tập hợp các nghiên cứu minh họa các phương pháp tiếp cận kỹ thuật số / không gian để bảo tồn di sản các nền kinh tế khu vực và bắc cầu cho những khác biệt giữa các nền văn hóa. Bài viết cũng tập hợp thông tin từ nhiều nguồn và ở nhiều định dạng của nhân văn học không gian - một phân ngành của nhân văn số dựa trên hệ thống thông tin địa lý (GIS) và các mốc thời gian - để trực quan hóa các chỉ mục dữ liệu văn hóa đa dạng, cung cấp chức năng tích hợp và ngữ cảnh hiệu quả cho thuộc tính không gian thời gian. Ngành địa lý tiếp tục đóng một vai trò quan trọng trong môi trường đa văn hóa phong phú trên

¹ Tôi xin gửi lời tri ân tới Benny Liow Woon Khin, Vijaya Samarawickrama và Tan Ho Soon đã chỉnh sửa bản K. Sri Dhammananda: Các bài tiểu luận để vinh danh ngày lễ Một trăm năm của Ngài, Vol. 2, Quan điểm đương đại, được xuất bản bởi Hiệp hội Phật giáo Nalanda Malaysia, 2018. Dự án này khuyến khích tôi tiếp tục theo đuổi việc sử dụng các công cụ tiên tiến của hệ thống thông tin địa lý (GIS) để lập biểu đồ phạm vi truyền pháp từ thời xa xưa ở Nam và Đông Nam Á. Điều này trùng hợp với công việc chúng tôi đang làm cho Atlas Phật giáo Hàng hải của Lewis Lancaster, một dự án của tổ chức Sáng kiến Bản đồ Văn hóa Điện tử (ECAI) với Jeanette Zerenke và các thành viên khác của nhóm Nam Đảo ECAI. Xin cảm ơn về sự hỗ trợ nhiều năm của họ. Xin cảm ơn Ông Shu-Heng Chen, Phó Chủ tịch và Giám đốc các Dự án hàng đầu về Nhân văn Số, tại Đại học Quốc gia Chengchi, Đài Bắc, đã chỉnh sửa bản Khoa học Xã hội Tính toán: Dữ liệu lớn về Khoa học Xã hội và Nhân văn, được xuất bản bởi Springer, 2018, và đồng tác giả của tôi, Ching-chih Lin và James X. Morris.

các khu vực khác nhau mà ở đó ngày càng thấy di sản là mẫu số chung. Chúng tôi xem nhân loại học như một yêu cầu hiểu biết toàn diện về tính toàn vẹn của con người ở mọi cấp độ và thời gian. Do đó, chúng tôi đang tạo ra một bản đồ thời gian có ý nghĩa với cuộc sống hàng ngày của mình.

Do các quốc gia phát triển lịch sử hiện tại để giải thích về quá khứ, ta có điểm chung là các di sản đóng vai trò là công cụ chính trị để hiểu cuộc sống hàng ngày của mình (Buckland 2004). Các mô hình của chúng tôi được phác thảo theo cách đa văn hóa và xuyên quốc gia. Trong quá trình toàn cầu hóa, các dân tộc thừa nhận lẫn nhau bằng cách trao đổi các ý tưởng, kiến thức và hàng hóa trên các chiều không gian. Các thương nhân đã giao dịch đến các cảng Đông Á thông qua các hệ thống sông trên khắp Trung Quốc và Đông Nam Á (Ecom 2017), đi đến các đảo Thái Bình Dương và quay trở lại với các hàng trao đổi buôn bán (Sitnikov 2011).

Bài nghiên cứu bao gồm bằng chứng lịch sử ban đầu về mạng lưới thương mại của các nhà hàng hải người Nam Đảo (Austronesian) đi truyền pháp (dharma) ở Ấn Độ Dương, lục địa, hải đảo Đông Nam Á và Trung Quốc. Điều này trùng hợp với Bản đồ Phật giáo Hàng hải của Lewis Lancaster, một dự án của tổ chức Sáng kiến Bản đồ Văn hóa Điện tử (ECAI) cùng Jeanette Zerenke và các thành viên khác của nhóm Nam đảo của chúng tôi bằng cách sử dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS).

Chúng tôi đang tìm kiếm ý nghĩa và sự đổi mới để làm phong phú những gì mà các nghiên cứu học thuật đã đạt được trong việc lập bản đồ lịch sử theo thời gian, đó là điều khiến chúng tôi đặc biệt quan tâm. Tại Đại học Quốc gia Chengchi, Đài Bắc, Đài Loan vào năm 2015, chúng tôi đã thành lập Học viện Không gian Thời gian châu Á-Thái Bình Dương (ApSTi, <http://apsti.nccu.edu.tw>). Ở đây, chúng tôi đã tạo ra một môi trường hợp tác giữa các nhà nghiên cứu dựa trên nghiên cứu và chia sẻ các công nghệ tiên tiến trong nhân văn kỹ thuật số / không gian (tham khảo Blundell và Jan 2016; Blundell, Lin và Morris 2018).

I. GIỚI THIỆU VỀ NHÂN VĂN KỸ THUẬT SỐ/KHÔNG GIAN

Giá trị của việc lập bản đồ không gian khảo cổ thời cổ đại trong các xã hội hiện đại là gì? Malaysia đang phải giải quyết vấn đề này. Các xã hội tiền Hồi giáo được ghi dấu ấn vào các hiện vật lịch sử và các địa điểm khảo cổ (Blundell 2015, 2018 a). Tuy nhiên, trong xã hội dân sự đương đại, chúng ta ngày càng có nhận thức và tôn trọng cách sống, ý thức thẩm mỹ của người xưa. Có phải chúng ta là nô lệ cho thời hiện đại? Còn những di sản cổ xưa của một đất nước thì sao?

Nghiên cứu về nhân loại học yêu cầu phải có hiểu biết toàn diện về tính toàn vẹn của con người ở mọi cấp độ và thời gian, do đó - chúng tôi đang tạo ra một bản đồ thời gian có ý nghĩa đối với cuộc sống hàng ngày của mình. Chúng tôi đang xem xét tính liên tục của lịch sử, điểm bắt đầu, điểm kết thúc tính theo thời gian như sự chuyển đổi và biến đổi di sản xét về mặt xã hội hiện đại. Công việc này được thực hiện thế nào? Khi đến thăm bảo tàng, bạn mong đợi điều gì? Sự sắp đặt, cảnh tâm sâu, tranh vẽ, hiện vật - đúng vậy, thông tin lịch sử được công chúng xem như thế nào? Đây có phải là mối quan tâm của bạn không? Chúng tôi cho rằng lịch sử sẽ có ý nghĩa khi đi vào cuộc sống hàng ngày, và bạn có thấy như vậy không?

Bài viết này cung cấp các nghiên cứu minh họa các cách tiếp cận khác nhau đối với các nền kinh tế khu vực, bắc cầu cho sự khác biệt giữa nhân văn và khoa học xã hội bằng giải pháp kỹ thuật số. Tập hợp thông tin từ nhiều nguồn và ở nhiều định dạng của nhân văn không gian - một nhánh của nhân văn số dựa trên hệ thống thông tin địa lý và thời gian - tạo ra các chỉ mục trực quan cho dữ liệu văn hóa đa dạng và cung cấp chức năng tích hợp và ngữ cảnh hiệu quả cho thuộc tính không gian thời gian.

Khi các quốc gia đương đại phát triển lịch sử của mình để giải thích về quá khứ, chúng ta có một điểm chung là các di sản đóng vai trò là công cụ chính trị để giải thích về cuộc sống hàng ngày. Trong những năm gần đây, các nền kinh tế khu vực đã mở rộng dựa trên xu hướng thế giới và mạng lưới lịch sử. Tuy nhiên, ngày nay chúng ta có nhiều rào cản quốc gia hơn trên khắp các khu vực địa lý, ở đó ngày càng thấy di sản là mẫu số chung.

Các mô hình của chúng tôi được phác họa theo cách đa văn hóa và xuyên quốc gia. Trong quá trình toàn cầu hóa, các dân tộc thừa nhận lẫn nhau bằng cách lưu thông các ý tưởng, kiến thức và hàng

hóa trên các chiều không gian. Các thương nhân đã giao dịch đến các cảng Đông Á, thông qua các hệ thống sông trên khắp Trung Quốc và Đông Nam Á, đến các đảo Thái Bình Dương, và trở lại với hàng hóa thương mại, câu chuyện kể và thông tin địa lý.

Chúng tôi đặc biệt quan tâm đến việc tìm kiếm ý nghĩa và đổi mới để làm phong phú hơn những gì mà nghiên cứu học thuật đã đạt được trong bản đồ lịch sử theo thời gian. Vào năm 2015, chúng tôi đã khởi xướng Học viện không gian thời gian châu Á-Thái Bình Dương (ApSTi, <http://apsti.nccu.edu.tw>) tại Đại học Quốc gia Chengchi, Đài Bắc, Đài Loan (Blundell và Jan 2016). Ở đây, chúng tôi đã tạo ra một môi trường cho sự hợp tác giữa các nhà nghiên cứu để tạo điều kiện cho các nghiên cứu, như một ngôi nhà cho các hệ thống thông tin địa lý đổi mới (GIS) và chia sẻ các công nghệ tiên tiến trong nhân văn kỹ thuật số / không gian.

Học viện của chúng tôi cung cấp nhiều dịch vụ dự án để giúp đưa ra các cách cấu hình dữ liệu mới dựa trên các công cụ không gian địa lý. Tạo ra giao diện độc nhất vô nhị các hệ thống không gian thời gian, bản đồ động về các khả năng thông tin. Các nhà nghiên cứu thuộc lĩnh vực khác nhau tham gia vào các cuộc đối thoại về kỹ thuật, thách thức và kết quả nghiên cứu nhân văn kỹ thuật số. Nói tóm lại, chúng tôi đang giúp xây dựng năng lực và cách thức chia sẻ thông tin sáng tạo thông qua các phương pháp kỹ thuật số để hình dung các khía cạnh không gian của trải nghiệm con người.

Mục tiêu tầm xa là nâng cao tiêu chuẩn trong các phương pháp bản đồ thông qua tiện ích số hóa và bản đồ động, mở ra những khả năng mới với sự hỗ trợ của các cộng tác viên trong nước và quốc tế. Điều này cho phép kết nối bối cảnh bức tranh môi trường với dữ liệu văn hóa cho ra nhiều các khả năng trong nhân văn học không gian với quy mô dữ liệu - lớn và nhỏ - cùng các kết quả khoa học và nhân văn. Thông tin về các vùng, khu vực được dựa trên sự tương đồng của các biểu tượng và mô típ di sản vô thức chung. Chúng tôi truy vết các nguồn từ những mối liên kết thời tiền sử tới thời kỳ giao lưu lịch sử ban đầu được tìm thấy qua các truyền thuyết du mục lưu truyền đến ngày nay (Sitnikov 2011; Blundell và Sitnikov 2018). Nghiên cứu tình huống của chúng tôi dựa trên các ứng dụng của lý thuyết hỗ trợ các phương pháp tổng thể để hiểu sự ổn định trong tính đa dạng.

Nghiên cứu này cho thấy kinh tế là nhân tố thúc đẩy chuyển đổi nhanh chóng môi trường đa dạng hóa đa văn hóa toàn cầu sang xuyên khu vực từ các khu vực văn hóa địa lý rất khác nhau, ở đó ngày càng có thể tìm thấy các mẫu số chung bằng cách sử dụng các thực tiễn khoa học tốt nhất để tạo ra các mô hình mới. Chúng tôi quan sát các khu vực địa lý bằng cách tìm hiểu những thay đổi địa phương và tác động toàn cầu theo thời gian.

Ở đây chúng tôi đặt nền câu chuyện về Phật giáo hàng hải Nam Á thông qua bản đồ không gian và kỹ thuật số GIS qua khu vực Đông Nam Á. Tôi đang làm việc dự án với Gauthama Prahu để phát triển một mô hình sinh thái và di sản tiến bộ tích hợp cả ý thức về vị trí ở Nam Á nơi có nhiều di sản Phật giáo, nhưng bị xã hội chính thống bỏ qua (Blundell và Bohhu 2018).

Khi sử dụng phương pháp Nhân học và nhân văn kỹ thuật số / không gian, các cộng đồng có thể thúc đẩy cấp cơ sở lấy lại và liên kết lại di sản của chính họ, nâng cao tầm nhìn phát triển xa của lãnh đạo địa phương. Sự quan tâm của chúng tôi dựa trên các di sản cổ xưa của Nam Á Độ và qua hành trình hàng hải của các thương nhân và tu sĩ truyền pháp.

Người ta tin rằng sự phát triển nhanh chóng của Đông Á vào cuối thế kỷ 20 có thể được giải thích theo các chuẩn mực văn hóa truyền thống châu Á, được cho là một trong những yếu tố chính để các nền kinh tế đang gặp khó khăn thích nghi nhanh chóng với thế giới toàn cầu hóa. Những đặc điểm của triết học Nho giáo truyền thống như mối quan hệ gia đình gần gũi, ý thức kỷ luật xã hội và tôn trọng các công việc khó được cho là động lực tăng trưởng kinh tế ở các nước này (Aikman 1986: 5).

Tuy nhiên, triết lý của Nho giáo không phải là truyền thống duy nhất ở châu Á. Các chuẩn mực văn hóa của nhiều tín ngưỡng phổ biến đã đóng một vai trò quan trọng trong các hoạt động kinh tế và xã hội trên toàn khu vực trong nhiều thế kỷ. Chúng cũng có thời gian dài ảnh hưởng đến các quá trình hội nhập khu vực, phát triển và suy thoái về kinh tế, xã hội. Tại sao cùng một niềm tin, tôn giáo và chuẩn mực văn hóa truyền thống đôi khi có tác động tích cực, nhưng đôi khi cản trở sự phát triển kinh tế và xã hội? Phật giáo đã đóng góp được gì?

Chúng tôi cho rằng những phát hiện trong nhân học văn hóa và thậm chí các nhánh nhỏ của nó như tôn giáo, văn hóa dân gian và thần thoại có thể đóng góp quan trọng cho sự hiểu biết về giao lưu kinh tế xã hội. Đường như sự thay đổi môi trường theo mùa và đổi mới kỹ thuật là yếu tố biến đổi chính trong cấu trúc xã hội, cấu trúc xã hội lại xác định các cơ chế và mức độ giao thoa văn hóa, hoặc là hội nhập hoặc cô lập.

Điều quan trọng cần lưu ý ở đây là bên cạnh sự đa dạng về văn hóa, như ở khu vực Âu-Thái Bình Dương, có hiện tượng tương đồng văn hóa mặc dù ngày nay các dân tộc có niềm tin khác nhau và bị tách biệt bởi các quốc gia khác nhau. Sự tương đồng về văn hóa của các dân tộc có thể được giải thích về mặt tương đồng của di sản cũ hoặc mối liên hệ lâu dài thường xuyên giữa họ trong quá khứ. Ví dụ, việc có nhiều niềm tin và sự đa dạng của các dân tộc nói tiếng Nam Đảo có thể được giải thích bằng khả năng thích ứng dễ dàng với các tác động bên ngoài của họ.

Lý do chính của việc dễ thích ứng với các tác động bên ngoài là để kiếm lợi từ việc hội nhập thông qua trao đổi hàng hóa và các quan điểm khác. Tìm hiểu truyền thống văn hóa của người cổ đại duy trì theo không gian và thời gian là một nhiệm vụ thú vị và hữu ích vì nó có thể giúp khám phá các cơ chế hội nhập văn hóa trong khu vực, đã diễn ra trong quá khứ và có thể giải thích cho hiện tại về căng thẳng liên tôn giáo giữa các vùng.

Để khám phá những truyền thống này và cơ chế tích hợp hiệu quả, chúng ta cần đề cập đến khái niệm vô thức tập thể của Carl Jung (xem Jacobi 1959). Theo Jung, vô thức tập thể là một phần của tâm trí vô thức cá nhân, được chia sẻ bởi một xã hội và là sản phẩm của kinh nghiệm tổ tiên. Nó tập trung trong các truyền thống, tín ngưỡng và chuẩn mực đạo đức. Nghiên cứu về thần thoại, tín ngưỡng, nghi lễ và giáo phái kết hợp với các đối tượng cụ thể của văn hóa vật chất và các hiện vật khảo cổ trên khắp các khu vực Âu-Thái Bình Dương có thể giúp phân tích các dân tộc và tìm ra các tập hợp tương đồng, từ đó giúp tái tạo hệ tư tưởng và các dạng của nó ở giai đoạn hội nhập ban đầu trong khu vực.

Jack Goody (1996) trong cuốn *Phương Đông ở Phương Tây* (The East in the West) cho rằng sự tương đồng trong các mẫu di sản thể hiện thuật ngữ "Eurasia" (Âu Á) là phù hợp hơn so với phân chia thành "Châu Âu", hay "Châu Á". Chúng tôi cho rằng việc hợp nhất hai khái niệm riêng biệt này thành một khái niệm không tách rời tạo cơ hội quan sát hiện

tượng thay đổi văn hóa xã hội và tính ổn định trong các biến động lớn ở các vũ đài tương tác xuyên văn hóa liên tục về địa lý và lịch sử.

Mẫu số di sản chung được ẩn dưới các lớp của các biến thể tín ngưỡng phổ biến khác nhau trong các truyền thống văn hóa khác nhau. Nhiều học giả tin rằng các mô hình tôn giáo và thần thoại có thể được lan truyền trong các lãnh thổ rộng lớn dọc theo các tuyến đường thương mại cổ đại. Ví dụ, Carla Musi (1997) đã nghiên cứu sự tương đồng giữa Shaman giáo Phần Lan-Ugria và pháp thuật châu Âu thời trung đại, Bà đã giải thích có hiện tượng tương đồng về văn hóa này là do các tuyến thương mại cổ đại. Bà kết luận rằng từ quá khứ xa xôi nhất, Tây và Đông Âu gần nhau hơn nhiều những gì có thể tưởng tượng. Các yếu tố văn hóa, thần thoại và tín ngưỡng có thể được lan truyền dọc theo tuyến đường thương mại hổ phách Baltic xuyên qua các khoảng cách địa lý rộng lớn.

Ý tưởng này của Musi ủng hộ giả thuyết của chúng tôi rằng các yếu tố thần thoại thường xuất hiện trong các câu chuyện thần thoại khắp khu vực Âu Á - Thái Bình Dương có thể là sản phẩm của sự trao đổi văn hóa và liên lạc thường xuyên giữa các dân tộc dọc theo mạng lưới thương mại thời tiền sử, từ lâu đã kết nối khu vực Á - Âu bằng các dòng sông và bờ biển, dẫn đến việc ý thức về sự thống nhất văn hóa từ Scandinavia và Quần đảo Anh ở phương Tây, trải dài đến khu vực Viễn Đông; từ Kamchatka ở phía Bắc đến New Guinea ở miền Nam.

II. NGHIÊN CỨU

Hiện tại, công việc của chúng tôi dựa trên các tài liệu về thần thoại và văn hóa dân gian kết hợp với dữ liệu địa lý, dân tộc học, khảo cổ học và ngôn ngữ học để khám phá kiến thức mới liên quan đến hiện tượng biến đổi và ổn định văn hóa. Dựa trên nguồn dữ liệu chúng tôi sử dụng, các câu chuyện truyền miệng và bằng văn bản lần đầu được biết đến đã được nhiều thế hệ nhà dân tộc học, nhà nhân chủng học và nhà văn hóa dân gian trước đây thu thập.

Chúng tôi tìm kiếm “logic bản địa mà theo đó nhiều dân tộc sử dụng để giải thích cuộc sống và để hiểu nó theo thuật ngữ riêng của mình” (Babbie 2010). Chúng tôi đang thu thập dữ liệu liên quan từ việc chuyển giao, giá trị của các biểu tượng thần thoại và hiện tượng khách quan của cuộc sống kinh tế hàng ngày. Tại sao nó lại quan trọng? Mục đích là để nghiên cứu sự tương tác của các hoạt động văn hóa cổ đại trong hồ sơ khảo cổ học và lập bản đồ với hệ thống thông tin địa lý tiên tiến (GIS). Câu hỏi này có liên quan đến

thời nay để hiểu rõ hơn về mạng lưới giao thông truyền pháp qua đường thủy cổ xưa từ các cảng của Nam Á đến bờ đông.

Các thành phần nghiên cứu dựa trên tài liệu của thương nhân, khách hành hương và các tuyến đường đi của họ, công nghệ tàu thủy, hướng lưu chuyển và khảo cổ học (Ray 1994). Các câu hỏi về phương pháp đã được đặt ra liên quan đến các vấn đề thiết kế và chiến lược nghiên cứu như một khoa học thực nghiệm.

Trong những thập kỷ gần đây, chúng ta đã bước vào thời đại gia tăng sử dụng các công cụ kỹ thuật số trong cuộc sống hàng ngày. Trong các ngành học thuật về khai thác văn bản, phân tích mạng, lịch sử công cộng, nghiên cứu di sản và lập bản đồ, chúng ta đã đến độ trưởng thành trong ngành nhân văn kỹ thuật số và các môn liên quan (Blundell và Hsiang 1999). Trong số các lĩnh vực này có nhiều chuyên ngành tập trung vào phân tích không gian kỹ thuật số xuyên thời gian. Chúng tôi gọi đây là nghiên cứu không gian thời gian - tức là lập bản đồ theo thời gian bằng phương pháp tính toán kỹ thuật số với một dải thông tin lớn. Điều này giúp tăng cường khả năng quan sát dữ liệu vượt ra ngoài khả năng của từng cá nhân để có thể nhận diện tất cả các thành phần. Dữ liệu có thể thu thập qua công nghệ lập bản đồ không gian, viễn thám, hình ảnh trắc quang, khảo cổ học lấy mẫu ngẫu nhiên, lập trình thống kê với các ngôn ngữ như R và phát triển phần mềm cho các phương pháp sáng tạo để nhìn được xa hơn những gì chúng ta có thể thấy. Khi tiến hành nghiên cứu thực địa, bạn có thể thấy có những lúc rất cần dữ liệu số hóa. Cho dù có những hạn chế về thời gian hoặc quyền truy cập, các vấn đề di động đòi hỏi phải di chuyển nhẹ hoặc do tình cờ, chẳng hạn như những phát hiện may mắn đôi lúc có được, số hóa là một phương pháp tuyệt vời để thu thập dữ liệu không gian thời gian. Phần này đề cập một số dự án và phương pháp khác nhau trong nhân văn kỹ thuật số kết hợp các phương pháp tích hợp vào nghiên cứu nhân văn không gian và thời gian. Chúng tôi xin mời bạn hãy tham gia vào phương pháp không gian để tăng cường thêm nghiên cứu của mình. Ở phần này, chúng tôi hy vọng sẽ thông tin, hướng dẫn và truyền cảm hứng cho nhiều nghiên cứu hơn trong lĩnh vực mới và thú vị này (Blundell, Lin và Morris 2018). Lập bản đồ là một trong những kỹ thuật được sử dụng phổ biến nhất trong việc xem xét 'cảm giác con người' trong không gian (xem Cosgrove 2004; xem Blundell 2011, 2012).

Nghiên cứu bản đồ thời gian của chúng tôi đóng góp vào những thảo luận học thuật quan trọng theo nhiều cách. Bản đồ thời gian

được sử dụng để theo dõi những câu chuyện kể của con người theo mốc thời gian. Những hiển thị không gian thời gian được trực quan hóa giúp khám phá kiến thức, trả lời các câu hỏi và tìm kiếm các câu hỏi khác. Nhân văn không gian tạo ra một vòng các câu hỏi, từ đó tạo nên các lớp bản đồ được mô tả theo những cách khác nhau.

Câu hỏi đặt ra là bắt đầu từ khoảng 2.300 năm trước, các nhà hàng hải người Malay / Indonesia nói tiếng Nam Đảo đã truyền bá hệ thống tôn giáo quốc tế, chẳng hạn như niềm tin vào pháp, đến mức độ nào? Điều này để nói rằng đã có nhiều ảnh hưởng bắt đầu từ Nam Á trên Vịnh Bengal đến đảo Đông Nam Á. Khu vực ở bán đảo và đảo Đông Nam Á này trở nên dễ tiếp nhận pháp. Làm thế nào có thể truy vết được các tuyến đường?

Giả thuyết là pháp như một hệ thống niềm tin văn học đã được lưu truyền bằng chữ viết có thể được tìm trên lá cọ, kim loại và đá. Vào thế kỷ thứ 2, giả thuyết của tôi là pháp được truyền đi bằng tàu biển với những người đi biển dày dạn mà chúng tôi cho là người bản địa, bây giờ được biết đến như những người du hành nói tiếng Nam Đảo (Blundell 2014 a, b) và trong hình ảnh phù điêu bằng đá ở Borobudur, Java (Hình 1). Tuy nhiên, có những khoảng trống trong hồ sơ. Để khắc phục điều này, chúng tôi đang tìm kiếm tài liệu cũ và các công nghệ mới trong mạng lưới học thuật hiện tại để theo dõi thêm mức độ tương đồng của các nền văn hóa đường như không liên quan đến nhau và phạm vi của nó (Blundell 2016).



Hình 1. Bức phù điêu khắc đá tàu du ngoạn trên tượng Phật giáo ở Borobudur, Java, Indonesia, thế kỷ thứ 9.

Dự án này được phát triển nhờ có Lewis Lancaster, người đã thành lập Tổ chức Sáng kiến Bản đồ Văn hóa Điện tử (ECAI, <http://ecai.org>), Đại học California, Berkeley năm 1997. Vào thời điểm đó, Lewis Lancaster đã mời các học giả về ngôn ngữ và văn hóa Nam Đảo đến để tái khẳng định sự hợp tác quốc tế này và đi sâu hơn các Mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc trong ngôi nhà chung không thể thiếu của gia đình nhân loại, qua đó chúng ta sẽ tìm cách thực hiện khát vọng chung cho hòa bình, hợp tác và phát triển. Do đó, chúng tôi cam kết hỗ trợ nhiệt tình cho các mục tiêu chung này và quyết tâm để đạt được chúng (Cuộc họp toàn thể Mục tiêu Thiên niên kỷ lần thứ 8, tháng 9 năm 2000).

Để phục vụ trưng bày bảo tàng công cộng, nhóm của chúng tôi đã nghĩ đến việc xây dựng theo module các mẫu chuyện nhỏ kể về giai đoạn giao thoa giữa Phật giáo thời kỳ đầu với hành trình đi biển của người Nam Đảo. Các thành phần bao gồm tài liệu trực quan về các cảng, đóng tàu và các tuyến đường đi. Nghiên cứu của chúng tôi minh họa nhiều cách cấu hình dữ liệu khoa học xã hội bằng các công cụ không gian địa lý thể hiện nghiên cứu của Đài Loan với các vị trí điểm GIS, các tuyến đường di cư, thương mại lịch sử và các địa điểm tôn giáo của khu vực được liên kết với nhiều thuộc tính thông tin không gian (Blundell và Zerneck 2014).

Những tiến bộ ngày nay trong điện toán và cơ sở hạ tầng thông tin mang đến cho các nhà nghiên cứu cơ hội xem xét lại toàn bộ chiến lược phân tích và phổ biến thông tin. Nó giúp “các học giả nhân văn khám phá theo địa điểm và xuyên thời gian các mối liên hệ của những gì đã tồn tại trong ký ức, được tạo tác và những gì đã xảy ra” (Bodenhamer 2010 và cộng sự).

Các hồ sơ bao gồm tài liệu về các thương nhân, người hành hương và tuyến đường đi của họ, công nghệ đóng tàu, cảng và các hiện vật còn lại. Dự án Atlas Phật giáo Hàng Hải của ECAI hiện tại có mục tiêu giai đoạn 1 là cung cấp bản đồ GIS các địa điểm khảo cổ dọc theo bờ biển Ấn Độ và Sri Lanka kéo dài đến Đông Nam Á và kết thúc với các hệ thống sông và kênh của Trung Quốc, ven biển Hàn Quốc và Nhật Bản (Hình 2).



Hình 2. Bản đồ Phật giáo Hàng hải ECAI thể hiện các địa điểm nghiên cứu ở khu vực châu Á Gió mùa.

Có rất nhiều nghiên cứu khoa học thuộc nhiều lĩnh vực cần có thông tin về địa lý. Do bước tiến lớn về công nghệ không gian địa lý trong những năm gần đây, việc thu thập thông tin không gian thời gian chất lượng cao đã trở nên hiệu quả và tiết kiệm hơn nhiều so với vài thập kỷ trước. Công nghệ viễn thám cung cấp những hình ảnh độ phân giải cao về bề mặt trái đất, có thể được phân tích bằng các công cụ xử lý hình ảnh để tự động lấy thông tin giá trị cho các ứng dụng khác nhau như biến đổi khí hậu, kiểm kê tài nguyên đất, giám sát môi trường và mở rộng đô thị.

Chúng tôi được thách thức phải tạo ra các phương pháp nghiên cứu mới và cung cấp kết quả tới cộng đồng người dùng rộng lớn hơn. Chúng ta có thể thấy nhân văn kỹ thuật số đổi mới và có ý nghĩa hơn những nghiên cứu học thuật truyền thống không? Chúng tôi kiểm tra các vị trí điểm GIS truy vết các tuyến đường, mạng lưới mang nhiều ý nghĩa lịch sử trên toàn khu vực và liên kết với các thông tin thuộc tính. Các nội dung này được vẽ và trực quan hóa trong bản đồ và có thể được phân tích với công nghệ phân tích mạng, tạo ra một cơ sở hạ tầng kỹ thuật số sáng tạo để hợp tác nghiên cứu học thuật và tạo ra các hình ảnh theo yêu cầu.

Bản Atlas này giúp hiển thị các hiện vật và địa điểm Phật giáo tập trung tại các cảng biển ở Ấn Độ cũng như một số khu vực ở

Đông Nam và Đông Á. Mạng lưới các thương nhân cảng biển của Ấn Độ có vai trò hỗ trợ chính cho việc truyền pháp. Ngày nay họ được phân loại là Ấn Độ giáo hoặc Phật giáo do có sự trùng hợp vào thời điểm đó. Sự kính trọng đối với Đức Phật đã phổ biến từ thế kỷ thứ 2, hoặc có thể trước đó. Phật giáo được phổ biến ở hình thức nào? Vào thời điểm đó, sự tôn trọng đối với Đức Phật dựa trên từng cá nhân. Điều này được gọi là bhakti, tức là chia sẻ, tham gia với Thượng Đế của mình, như Đức Phật hoặc thần Siva.

Các thương nhân đi biển nusantara ở các đảo Đông Nam Á đã hình thành các trung tâm thương mại tạo điều kiện cho việc truyền bá đạo Hindu / Phật giáo ở Đông Nam Á, điều này chứng minh sự tồn tại của Phật giáo với ảnh hưởng Pala Mahayana từ Nam Ấn Độ đã được các thương nhân Ấn Độ mang đến và thực hành. Sự kính trọng đối với Đức Phật thời đó được thể hiện gồm cả một hệ thống niềm tin bao trùm.

Phật giáo suy tàn ở Ấn Độ do các vị vua ủng hộ Phật giáo bị thay thế về mặt chính trị bởi các vị vua thờ thần Siva, v.v. vào khoảng thế kỷ thứ 10 sau Công nguyên. Đây được coi là thời kỳ phát triển của Ấn Độ giáo. Tuy nhiên, thuật ngữ Ấn Độ giáo không tồn tại lúc đó. Quan điểm của chúng ta trong thời đại ngày nay đã phân chia và phân loại những tín ngưỡng đó là Ấn Độ giáo và Phật giáo.

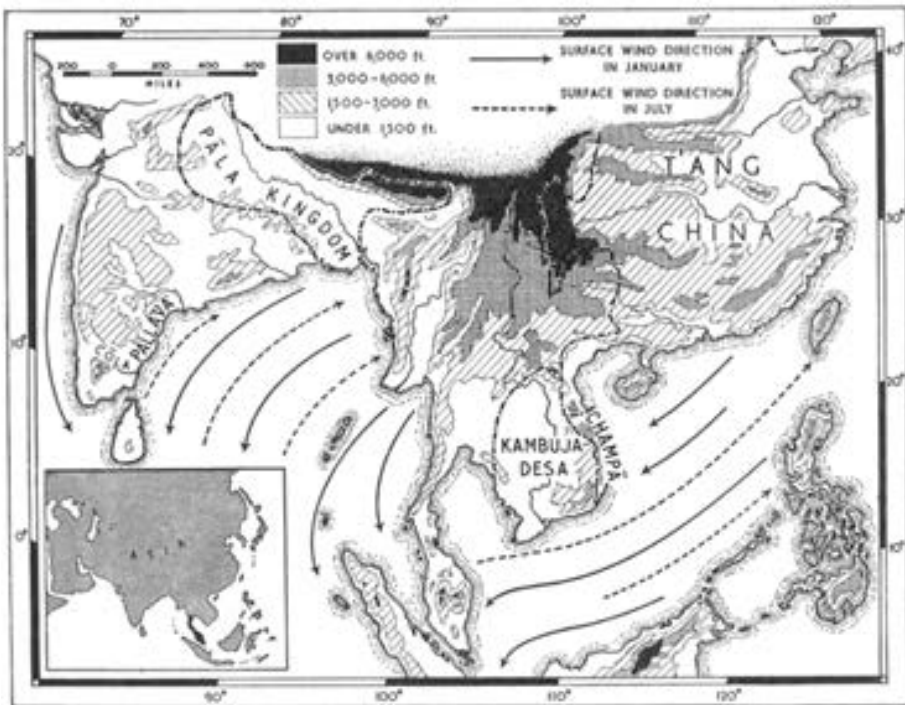
III. LÊN THEO DẤU VẾT LỊCH SỬ QUA CÁC LỚP BẢN ĐỒ

Ngày nay, với công nghệ địa lý hiện tại, chúng ta có thể theo dõi quá trình lịch sử bằng các lớp bản đồ từ thời tiền sử đến lịch sử đầu thời đại của văn bản viết. Paul Wheatley (1961) làm tôi chú ý đến nội dung này trong các ấn phẩm của ông. Các phương pháp và thuật ngữ của ông dựa trên khả năng dịch văn bản từ các tác phẩm đầu tiên của Ấn Độ và Trung Quốc. Ông đã lập bản đồ lịch sử Đông Nam Á thể hiện các lớp vị trí dân định cư. Các văn bản cổ xưa trong Golden Khersonese của Wheatly có chú giải về mối quan hệ thương mại với Bán đảo Malay và trên khắp Đông Nam Á.

Nghiên cứu của chúng tôi chia sẻ ý tưởng về các địa điểm lịch sử ở Ấn Độ Dương thời kỳ đầu tới các vương quốc và trung tâm thương mại, nơi mà pháp và đức tin về pháp phát triển một cách mạnh mẽ, đặc biệt là ở một số vùng Đông Nam Á. Chúng

tôi đã lần theo dấu vết thời kỳ đầu của thuyền buồm xuyên đại dương trên khắp khu vực châu Á Gió mùa.

Một yếu tố quan trọng trong nghiên cứu này bao gồm vai trò của gió mùa và sự thay đổi hướng gió hàng năm đã xác định lịch trình thương mại cho các chuyến hàng đi biển (Hình 4). Thời gian và khoảng cách từ Châu Phi đến Ấn Độ hoặc từ Ấn Độ đến Malaysia hoặc xa hơn trên các vùng biển đến Đông Á phụ thuộc vào hướng gió theo mùa.



Một nguồn tài liệu tương ứng là bản đồ ECAI về Nam Đảo trùng với việc phổ biến tài liệu Phật giáo và cung cấp bối cảnh khu vực cho các tuyến đường và cảng vận chuyển đường biển. Từ Đông Á, một số mối liên kết văn hóa sớm nhất đã dựa trên sự đổi mới của phương tiện giao thông đường biển, rời Đài Loan khoảng 4.500 đến 3.500 năm trước mang theo sự truyền bá ngôn ngữ, gọi là ngôn ngữ thương mại Nam Đảo trên khắp Philippines, Indonesia, Malaysia và đến Liên bang Micronesia, tạo nên các ngôn ngữ Malayo-Polynesia (Hình 5.).



Hình 5. Các tuyến đường biển rời Đài Loan từ 4.500 đến 3.500 năm trước. Bản đồ trưng bày tại Triển lãm Austronesia của Bentara Budaya, Denpasar, Bali, Indonesia, ngày 20/7/2016.

IV. ATLAS VÙNG CHÂU Á GIÓ MÙA LỊCH SỬ

Kiến thức của chúng tôi được rút ra từ nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau, tích hợp nhiều loại dữ liệu và phong cách phân tích khác nhau để phát triển các phương pháp nghiên cứu mới, tạo ra sự thay đổi mô thức và quan điểm đa chiều trong nhân văn học. Mục đích của chúng tôi là xây dựng các câu chuyện dựa trên bằng chứng có liên quan đến nhiều lĩnh vực; do đó, chúng tôi đang thuật lại chi tiết các mốc thời gian truyền bá tôn giáo, thẩm mỹ học và quan hệ đối tác thương mại.

Dữ liệu này được thu thập cho bản đồ Atlas, có thể dùng làm tài nguyên tương tác, chuyển động hoạt hình để trưng bày bảo tàng và cài đặt trong môi trường hiển thị 3D nhập vai. Phát triển các Apps để sử dụng được thông tin trên các thiết bị cầm tay.

Thông tin địa lý và các mốc thời gian cung cấp chức năng tích hợp và ngữ cảnh hóa hiệu quả cho các thuộc tính văn hóa. Do tập hợp thông tin từ nhiều nguồn và ở nhiều định dạng, chúng tạo ra các chỉ mục trực quan cho nhiều dữ liệu văn hóa. Hệ thống này dựa trên các vị trí điểm GIS được liên kết với nhiều thông tin thuộc tính. Chúng tôi có thể lập biểu đồ phạm vi các đặc điểm cụ thể của thông tin văn hóa thông qua bản đồ sử dụng bảng tính GIS địa lý để thu

thập và quản lý bộ dữ liệu. Nhờ các phương pháp nhân văn không gian, lịch sử đã đạt đến những tầm cao mới, với những cơ hội hiện đại nhất khi thu thập và phân tích dữ liệu. Với các công cụ không gian thời gian tiên tiến của chúng tôi, thật thú vị khi nghiên cứu khu vực châu Á Gió mùa theo hướng đa chiều.

Atlas Phật giáo Hàng hải ECAI của chúng tôi bao gồm phát triển một công cụ triển lãm bảo tàng nhập vai 3D. Một phần của công cụ này được các nhóm hội viên đa dạng của ECAI hỗ trợ. Rất nhiều cộng tác viên đang thu thập và lập danh mục dữ liệu, có thể sử dụng theo nhiều cách cho nhiều đối tượng khác nhau.

Một trong những chủ đề chính của tập bản đồ là các mô-đun Atlas. Các mô-đun này do một tác giả hoặc một nhóm phụ trách lập hồ sơ một câu chuyện, sự kiện hoặc chủ đề. Mỗi mô-đun được hỗ trợ bởi nhiều hình thức dữ liệu và trực quan. Bản đồ các vương quốc lịch sử trên Google Earth cung cấp các lớp thông tin phân theo thời gian trong một khu vực địa lý, khoảng thời gian hoặc thời đại văn hóa, hệ thống giao dịch, người hoặc nhóm người cụ thể (Hình 6). Phương pháp này được hỗ trợ bởi một cơ sở hạ tầng chuyên chụp và lưu trữ nội dung, dự kiến sẽ được phát triển hơn.



Hình 6. Bản đồ của các vương quốc lịch sử ở Nam Á, các tuyến thương mại liên quan và các thông tin khác được sử dụng để xây dựng các lớp ghi danh địa lý phân theo thời gian trong Google Earth.

V. KẾT LUẬN

Nguồn gốc của bài nghiên cứu này bắt đầu với luận án của tôi được viết từ góc nhìn của Ấn Độ và Sri Lanka để khám phá các nguồn văn hóa khu vực và sự mở rộng của chúng. Bài viết này dựa trên các bản dịch văn học lịch sử Ấn - Âu, Dravidian và Trung Quốc. Qua đó đã nâng sự hiểu biết của tôi về sự tăng trưởng và năng động của các thành phố cổ, các tuyến giao thương xuyên lục địa và hải đảo Nam Á từ các nền văn hóa thời kỳ đồ đá cho đến giai đoạn giao lưu với các nền văn hóa ở đảo Đông Á và Thái Bình Dương (xem Blundell 1976, 1984, 2003, 2009, 2014 b, 2016, 2017, 2018 b).

Mục tiêu tầm xa là nâng cao tiêu chuẩn trong chiến lược bản đồ thông qua tiện ích số hóa và hoạt hình nội dung, đưa ra những khả năng mới thông qua các cộng tác viên trong nước và quốc tế. Chúng tôi đưa ra các ví dụ xây dựng tiêu chuẩn thực hành tốt nhất áp dụng cho cơ sở dữ liệu, tạo ra các tiện ích đa phương tiện tương tác. Điều này cho phép thống nhất bối cảnh hình ảnh môi trường với dữ liệu văn hóa để cho ra nhiều khả năng trong nhân văn không gian với quy mô dữ liệu lớn và nhỏ - tạo ra kết quả về khoa học và nhân văn học.

Để nắm được diễn biến toàn diện về nhân văn học không gian, chúng tôi tham khảo bài giới thiệu về bước ngoặt không gian cho tám môn học thuật, “Bước ngoặt không gian là gì?”, (năm 2016) của Jo Guldi, và tiểu luận “Lịch sử không gian là gì?” Của Richard White, (2010). Bản đồ số ngày nay đã giúp các nhà nghiên cứu tiết kiệm được chi phí tài liệu. Tính sẵn có của nguồn tài liệu số cho phép các nhà nghiên cứu mới hoặc có kinh nghiệm nhưng không chuyên về vẽ bản đồ, có thể lập được biểu đồ thông tin.

Giờ đây việc ghi chép lịch sử đã có các công cụ mới và sáng tạo (Robertson 2012), chứ không phải đơn thuần chỉ khai thác văn bản văn học. GIS mang đến cho ngành lịch sử những phát triển thú vị nhất cả về nhân văn kỹ thuật số và không gian, (Gregory và Geddes 2014) với những tiến bộ trong cơ sở hạ tầng điện toán và thông tin, đưa ra các khả năng để các nhà nghiên cứu xem xét lại toàn bộ chiến lược phân tích và phổ biến thông tin. Nó có tính năng “bản đồ sâu”, xem xét nhiều ý nghĩa tại một vị trí, cho phép các nhà nhân văn học khám phá các mối quan hệ của ký ức, tạo tác và kinh nghiệm tồn tại ở một nơi cụ thể và

theo từng thời gian (Bodenhamer và cộng sự 2010).

Tại sao nó lại quan trọng? Chúng tôi kết nối với một thể liên tục của việc truyền dẫn tín ngưỡng trên khắp khu vực châu Á Gió mùa. Bài viết này nhấn mạnh nghiên cứu của chúng tôi về phát triển một mô-đun bản đồ số thể hiện ảnh hưởng của pháp tử Ấn Độ -Thái Bình Dương và Ấn Độ giáo qua đường hàng hải, với trọng tâm là phạm vi của Phật giáo lịch sử.

THAM KHẢO

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 2016. Nghiên cứu ở Indonesia về hành trình du lịch và hàng hải của người Nam Đảo: Một dự án bản đồ Atlas. *Biên bản Hội nghị quốc tế lần thứ 22 về Hệ thống ảo và Đa phương tiện (VSMM.)* Sunway University, Kuala Lumpur, Malaysia. Pp. 27-32. (<http://ieeexplore.ieee.org/document/7863206>)

2. 2018a. Lập bản đồ về sự truyền pháp ở khu vực châu Á Gió mùa liên quan đến hành trình của người Nam Đảo thông qua hệ thống thông tin địa lý (GIS). *K. Sri Dhammananda Centenary: Quan điểm đương đại*. Vol. 2. Benny Liow Woon Khin, ed. Kuala Lumpur, Malaysia. Pp. 18-31.

3. 2018b. Lập bản đồ nhân văn không gian lịch sử khu vực châu Á gió mùa: thương mại và tín ngưỡng lưu thông qua đường biển ở phía Nam đến Đông Nam và Đông Á. *Hiệp hội khu phố Thái Bình Dương (PNC) với Hội thảo ECAI và Đại hội di sản kỹ thuật số 2018*. San Francisco, California, USA. October 27-30. (http://www.ecai.org/activities/2018-PNC_ECAI_Workshop.html)

4. 1984. Stone and water. *Bản tin của Khoa Nhân chủng học*, Trường ĐH Quốc gia Đài Loan 44: 71-78.

5. 2003. Phát triển đô thị ở Nam Á (partial version). *Biên bản Hội nghị chuyên đề về tôn giáo, nghệ thuật và văn hóa Ấn Độ*. Đài Loan: Bảo tàng Lịch sử Quốc Gia. Pp. 103-136.

6. 2009. Ngôn ngữ kết nối thế giới. *Người Nam Đảo Đài Loan: Ngôn ngữ học, Lịch sử, Dân tộc học, Tiền sử*. Revised Edition. David Blundell, ed. Taipei: Shung Ye Museum & Berkeley: Phoebe A. Hearst Museum, University of California. Pp. 401-159.

7. 2011. Di sản thế giới: Quản lý tài nguyên văn hóa mang lại vị trí cho châu Á-Thái Bình Dương. Giới thiệu về vấn đề chủ đề. David Blundell, ed. *International Journal of Asia-Pacific Studies (IJAS)*, 7(1): iv-x. (http://ijaps.usm.my/?page_id=102)

8. 2012. Đài Loan trường thành. *Đài Loan Kể từ khi thiết quân luật: Xã hội, Văn hóa, Chính trị, Kinh tế học*. David Blundell, ed. Berkeley: University of California, and Taipei: National Taiwan University Press. Pp. 2-26.

9. 2014a. Kết nối các di sản: khu vực châu Á Gió mùa, Đài Loan và Sri Lanka. *Hội nghị quốc tế 2014 về người bản địa Formosa: Quan điểm đương đại*. Institute of Ethnology, Academia Sinica, Taipei. September 15-17.

10. 2014b. Nền văn minh pháp và hướng tàu đi: Đóng góp cho dự án Phật giáo hàng hải ECAI. *Ủy ban quốc tế lễ Vesak lần thứ 11 của Liên hợp quốc*. Quan điểm của Phật giáo đối với việc đạt các Mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc. Vietnam. Pp. 41-63.

11. 2015. Bujang Valley— Chỗ của các hạnh phúc lớn. *Chân trời phía đông*. May. Pp. 17-21.

12. 2017. Thời kỳ đồ đá đến thời kỳ đầu lịch sử đi biển ở khu vực châu Á Gió mùa. *Tôn giáo, Luật pháp và Nhà nước: Tái xâm nhập văn hóa trong thời đại mới*. Hsun Chang and Chih-wei Tsai, eds. Chapter 7. Taipei: Academia Sinica and Shung Ye Museum of Formosan Aborigines. Pp. 193-216.

13. Aikman, David. 1986. *Vành đai Thái Bình Dương: Khu vực của những thay đổi, Khu vực của những cơ hội*. Boston: Little, Brown.

14. Babbie, Earl R. 2010. *Thực hành các nghiên cứu xã hội*. Belmont, CA: Wadsworth.

15. Blundell, David, and Igor Sitnikov, 2018. Biến đổi lịch sử của các nền kinh tế Á-Âu: Quan điểm tìm hiểu những thay đổi địa phương và tác động toàn cầu thông qua hệ thống thông tin địa lý (GIS). *Hội nghị Trung tâm Đổi mới và Kinh doanh Phương Đông lần thứ 2*, Sự chuyển đổi của các tổ chức kinh tế châu Á: Tìm hiểu những thay đổi địa phương và tác động toàn cầu đối với doanh nghiệp và xã hội, Xem xét lại các mô hình phát triển châu Á và Trung Âu. Budapest Business School, University of Applied Sciences, Budapest, Hungary. May 10-11.

16. Blundell, David, and Jeanette Zerneke. 2014. Chuyển đi thời đầu lịch sử của người Nam Đảo ở khu vực châu Á Gió mùa: Di sản và kiến thức trưng bày trong bảo tàng sử dụng các văn bản, khảo cổ học, các thành phần tương tác kỹ thuật số và phương pháp tiếp cận GIS. *International Journal of Humanities and Arts Computing* 8: 237-252.

17. Blundell, David, and Jieh Hsiang. 1999. Bản đồ văn hóa điện tử khu vực Thái Bình Dương của Đài Loan. *Biên bản cuộc họp chung EBTL, ECAI, SEER & Liên danh các nước láng giềng khu vực Thái Bình Dương (PNC) năm 1999*, Academic Sinica, Taipei. Pp. 525-540. (<http://pnclink.org/annual/annual1999/1999pdf/blundell.pdf>)

18. Blundell, David, and Jihn-Fa Jan. 2016. Hoạt động của nghiên cứu không gian vũ trụ: Một viện quốc tế tại Đài Loan. *Biên bản IEEE Hội nghị quốc tế lần thứ 22 về Hệ thống ảo và Đa phương tiện (VSMM)*. Sunway University, Kuala Lumpur, Malaysia. Pp. 33-38. (<http://ieeexplore.ieee.org/document/7863207>)

19. Blundell, David, and N. Gauthama Prabhu. 2018. Chuyển đổi quan điểm: Nghiên cứu tình huống về khảo cổ dân tộc học tương tác ở Tamil Nadu, Ấn Độ và các địa điểm di sản thế giới ở Sri Lanka. Bảng S16: Khảo cổ học bản địa: Nghiên cứu tình huống khu vực châu Á Thái Bình Dương. Tổ chức bởi David Blundell và Frank Muyard. *Đại hội Hiệp hội tiền sử khu vực Ấn Độ-Thái Bình Dương (IPPA) lần thứ 21*. Hue, Vietnam, September 23-28.

20. Blundell, David, Ching-Chih Lin, and James Morris. 2018. Nhân văn không gian: Một cách tiếp cận tích hợp nghiên cứu về không gian. *Khoa học xã hội tính toán: Dữ liệu lớn trong khoa học xã hội và nhân văn học tính toán*. Shu-Heng Chen, ed. Springer International Publishing AG. Pp. 263-288. ISBN: 978-3-319-95464-6. (https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-319-95465-3_14)

21. Blundell, David. 1976. *Metropolitan Ascent of Southern Asia*. Ms. based on of early Indo-European, Dravidian, and Chinese literature for the understanding of the growth and dynamics of ancient cities and trade routes in Southern Asia. *Sự phát triển đô thị của khu vực Nam Á*. dựa trên nền văn học Ấn-Âu, Dravidian và Trung Quốc thời kỳ đầu để hiểu về sự phát triển và năng động của các thành phố cổ và các tuyến thương mại ở Nam Á

22. Bodenhamer, David J., John Corrigan, and Trevor M. Harris. 2010. *Các ngành nhân văn không gian: GIS và tương lai học tổng của ngành nhân văn học*. Bloomington & Indianapolis: Indiana University Press.

23. Buckland, Michael. 2004. Lịch sử, di sản và quá khứ: Trường hợp của Emanuel Goldberg. *Lịch sử và di sản của hệ thống thông tin khoa học và kỹ thuật* W. B. Rayward and M. E. Bowden, Eds. Medford, NJ: Information Today. Pp. 39-45.

24. Cosgrove, D. 2004. Phong cảnh và địa hình, bài giảng tại buổi hội nghị chuyên đề ‘Bước ngoặt không gian trong lịch sử?’. Viện Lịch sử Đức (http://www.ghi-dc.org/fileadmin/user_upload/GHI_Washington/Publications/Bulletin35/35.57.pdf)

25. Devendra, Somasiri. 2013.

26. Thủy thủ, thương nhân, nhà sư: Sri Lanka và biển phía đông. Trong Satish Chandra và Himanshu Mitchha Ray, bài báo. *Biển, Bản sắc và Lịch sử: Từ Vịnh Bengal đến Biển Đông*. New Delhi: Society for Indian Ocean Studies, 2013. Pp. 169-220.

27. Ecom, Gu Ho. 2017. Con đường tơ lụa lần nữa: Thăm lại những con đường nối liền Á-Âu. *Journal of Eurasian Studies*, 8(1): 1-2.

28. Goody, Jack. 1996. *Phương Đông ở phương Tây*. Cambridge: Cambridge University Press.

29. Gregory, I. N. and A. Geddes, eds. 2014. *Hướng tới nhân văn học không gian: Lịch sử GIS và lịch sử không gian*. Bloomington: Indiana University Press.

30. Guldi, J. Biến không gian là gì? Nhân văn học không gian: Một dự án của Viện kích hoạt học bổng không gian địa lý. <http://spatial.scholarslab.org/spatial-turn/the-spatial-turn-in-history/index.html>.

31. Jacobi, J. 1959. *Phức tạp / Nguyên mẫu / Biểu tượng trong Tâm lý học của C.G. Jung*. Princeton, NJ: Princeton University Press.

32... Musi, Carla Corradi. 1997. *Shaman giáo từ Đông sang Tây*. [English text revised by Paul Davies]. Budapest: Akadémiai Kiadó.

33. Ray, Himanshu P. 1994. *Làn gió thay đổi: Phật giáo và các liên kết hàng hải của Nam Á*. Oxford: Oxford University Press.

34. Robertson, S. 2012. Đưa Harlem lên bản đồ. *Viết lịch sử trong thời đại kỹ thuật số*, Jack Dougherty and Kristen Nawrotzki, Eds. Ann Arbor: University of Michigan Press.

35. Sitnikov, Igor. 2011. Biểu tượng phổ biến trong di sản văn hóa vô thức Âu Á-Thái Bình Dương: Một nghiên cứu tình huống về 18 vị thần tôn giáo Đài Loan. *International Journal of Asia-Pacific Studies*, 7(1): 47-74.

36. Wheatley, Paul. 1961. *The Golden Khersonese*. Kuala Lumpur: University of Malaya.

37. White, R. 2010. Lịch sử không gian là gì? *Phòng thí nghiệm lịch sử không gian: Tài liệu làm việc*, Stanford University. (<https://web.stanford.edu/group/spatialhistory/cgi-bin/site/pub.php?id=29>)